TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:10/2020/DS-ST
Ngày:17/6/2020
V/v Tranh chấp Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Châm Thị Vân Khánh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hợi

2. Ông Dương Viết Vĩnh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa

Ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Phú Bình, xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 61/2019/TLST-DS ngày 13/12/2019 về việc Kiện đòi tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXX-ST ngày 05/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Nh, sinh năm1969 (Có mặt)

Địa chỉ:Xóm Th, xã T, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976(Có mặt)

Địa chỉ: Xóm Tr, xã T, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị Nh trình bày:

Gia đình bà có mở cửa hàng đại lý bán cám chăn nuôi, vợ chồng bà H đến mua cám của gia đình bà từ năm 2010. Thỏa thuận cứ đến lấy cám, đến khi nào bán được gia súc, gia cầm thì trả tiền, đến ngày 08/6/2012 hai bên chốt nợ tổng số tiền là 29.818.000đ (Hai mươi chín triệu tám trăm mười tám nghìn đồng). Khi chốt nợ ông Nam ký trước, bà H ký sau trong giấy chốt nợ. Số tiền này vợ chồng bà đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông N, bà H chưa trả cho ông bà. Nay bà đề nghị Tòa án huyện Phú Bình giải quyết buộc bà H trả bà số tiền trên, không yêu cầu lãi.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà có mua cám chăn nuôi của gia đình bà Nh, nhưng không còn nợ nhiều như bà Nh trình bày, bà cứ mua được một ít thì lại đem tiền đến trả gia đình bà Nh và thường chồng bà hoặc bà đem tiền đi thanh toán. Số tiền chốt nợ ngày 08/6/2012 bà không được cộng chốt nợ, mà do chồng bà là ông N chốt nợ với chồng bà Nh là ông Tr, sau đó bà cũng ký chốt nợ với gia đình bà Nh với số tiền 29.818.000đ (Hai mươi chín triệu tám trăm mười tám nghìn đồng). Việc mua bán bà Nh có sổ sách theo dõi, bà cũng có sổ theo dõi nhưng khi chồng bà chết năm 2015 thì bà cũng mất hết không còn thấy sổ sách gi chép nữa. Đến tháng 3 năm 2018 ông Tr đã nhiều lần đến nhà bà để đòi tiền cám còn nợ, ông Tr có trình bày hoàn cảnh gia đình và không cho bà khất nợ tiếp. Do vậy khi ông Tr đến nhà bà đòi số tiền còn nợ lại thì bà lấy tiền của bà trả cho ông Tr, tổng số tiền bà đã trả là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng chẵn), trả làm một lần. Khi bà trả tiền cho ông Tr hai bên không viết giấy tờ gì, cũng không có ai chứng kiến việc bà trả tiền cho ông Tr, vì khi đó chỉ có một mình bà ở nhà. Sau đó bà cũng không nói với bà Nh về việc đã trả tiền cho ông Tr. Sau khi bà trả tiền cho ông Tr được một thời gian ngắn thì ông Tr chết.

Nay bà Nh khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền 29.818.000đ, bà xác định có ký nhận nợ nhưng đã trả được 25.000.000đ, chỉ còn nợ lại 4.818.000đ, bà nhất trí trả số tiền 4.818.000đ này cho bà Nh.

Quá trình giải quyết Toà án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Tòa án tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng các bên vẫn giữ nguyên quan điểm, không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên phải đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về Kiện đòi tài sản. Bị đơn hiện cư trú tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Bình giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình theo quy đinh tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Đây là tranh chấp dân sự về kiện đòi tài sản nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà Ngô Thị Nh khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H trả số tiền nợ gốc là 29.818.000 đồng (Hai mươi chín

triệu tám trăm mười tám nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi suất. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là giấy xác nhận nợ có chữ ký của ông Nam, bà H.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày chữ ký trong giấy xác nhận nợ là của bà và ông N là chồng bà, bà thừa nhận hai bên chốt nợ số tiền mua bán cám còn lại là 29.818.000đ, nhưng đến tháng 3/2018 bà đã trả cho ông Tr là chồng bà Nh số tiền 25.000.000đ tại nhà bà. Tuy nhiên, khi trả hai bên không viết giấy tờ và không có người chứng kiến. Nay bà Nh yêu cầu bà phải trả số tiền trên thì bà chỉ nhất trí trả số tiền còn nợ lại là 4.818.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn có sự việc mua bán cám và chốt nợ số tiền cám còn lại là 29.818.000đ (Hai mươi chín triệu tám trăm mười tám nghìn đồng) do cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận. Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cho rằng đã trả số tiền 25.000.000đ cho ông Tr và chỉ còn nợ lại 4.818.000đ đồng, nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của bị đơn. Vì vậy, việc bị đơn là bà H cho rằng đã trả cho ông Tr chồng bà Nh số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) là không có căn cứ để chấp nhận. Bà H và ông Nam là vợ chồng, việc mua bán cám để phục vụ cho gia đình, hai vợ chồng bà đều ký nhận số nợ trên, nên nghĩa vụ trả nợ trong trường hợp này là nghĩa vụ liên đới. Bà H xác định đây là nợ của vợ chồng bà không liên quan đến các con nên bà H có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên, vì vậy không đưa người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông N vào tham gia tố tụng. Ông Tr là chồng bà Nh đã chết nhưng những người ở hàng thừa kế thứ nhất đều từ chối tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử không đưa vào tham gia tố tụng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Nh, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 29.818.000 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm mười tám nghìn đồng)

[4]Về lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Nh được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước.

[6]Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 155, Điều 166, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí; Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Nh về Tranh chấp Kiện đòi tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Ngô Thị Nh số tiền 29.818.000 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm mười tám nghìn đồng)

Về lãi suất: Bà Nh không yêu cầu nên không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3.Về án phí**:** Bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.490.900 đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước.

- Hoàn trả bà Ngô Thị Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 700.000đồng tại biên lai thu số 0001025 ngày 13/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình.

4.Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bên đương sự, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Bình;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS huyện Phú Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
ΓHẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châm Thị Vân Khánh